

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 4089 /BC-SGDĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO

**KẾT QUẢ KHẢO SÁT NĂNG LỰC HỌC SINH LỚP 3
NĂM HỌC 2020 – 2021**

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO Q.5	
Số: 609	ĐẾN
Ngày: 26.4.21	
Chuyển:	
Hồ Sơ:	

Căn cứ kế hoạch nhiệm vụ năm học 2020 – 2021;

Thực hiện công văn số 3024/GDĐT-TH của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh ngày 21/9/2020 về tổ chức khảo sát năng lực học sinh lớp 3 năm học 2020 – 2021;

Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo kết quả khảo sát năng lực học sinh lớp 3 – Năm học 2020 – 2021 như sau:

1/- Công tác tổ chức thực hiện:

Thời gian thực hiện:

- Tổ chức thử nghiệm hệ thống vào ngày 16/03/2021;
- Tổ chức khảo sát chính thức vào ngày 18/03/2021;

Đối tượng tham gia khảo sát:

- Tất cả các trường tiểu học có phòng máy tính chọn một lớp có số thứ tự cuối cùng trong khối 3 (có học tin học) để tham gia khảo sát.
- Đối với các trường có hai phòng máy tính: chọn hai lớp có số thứ tự cuối cùng trong khối 3 (có học tin học) để tham gia khảo sát.
- Mỗi lớp chọn tối đa 30 học sinh có thứ tự từ trên xuống trong danh sách.

Nội dung khảo sát:

- Học sinh tham gia khảo sát thực hiện đề khảo sát gồm 20 câu hỏi (10 câu Tiếng Việt, 10 câu Toán) trong 40 phút.

Kết quả khảo sát:

- Tổng số thí sinh đăng ký dự khảo sát: 17439 học sinh.
- Tổng số học sinh hoàn thành bài khảo sát ở môn Toán: 17340
- Tổng số học sinh hoàn thành bài khảo sát ở môn Tiếng Việt: 17347

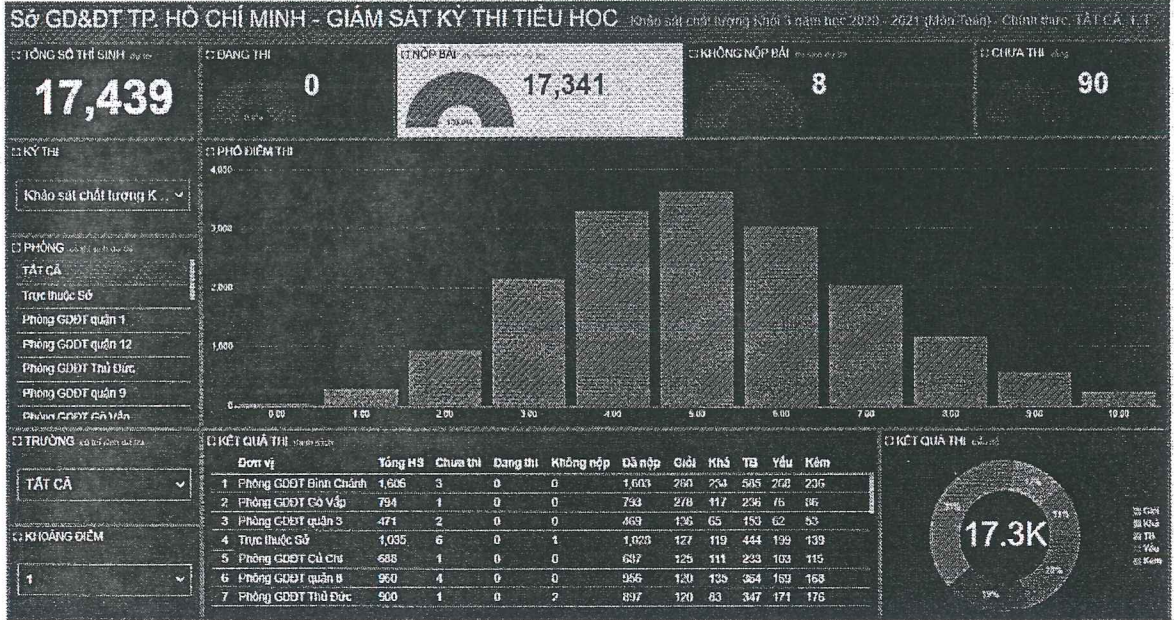
(Đính kèm Phụ lục 1 – Kết quả khảo sát và phở điểm)

2/- Phân tích kết quả khảo sát:

2.1. Môn Toán

Nhằm mục tiêu đánh giá năng lực vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, xử lý các vấn đề có liên quan đến thực tế cuộc sống, đề khảo sát môn Toán được thiết kế với 10 câu hỏi trắc nghiệm, toàn bộ tập trung trọng tâm vào khả năng vận dụng kiến thức đã học qua 20 tuần học đầu tiên vào thực tế của học sinh. Về nội dung, các câu hỏi bao quát đầy đủ các kiến thức về số học, đại lượng và đo đại lượng, yếu tố hình học và giải toán có lời văn.

Kết quả khảo sát ở mức trung bình, cho thấy khả năng học sinh vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn ở một chừng mực vừa phải, học sinh có thể giải quyết được các nội dung được học trong môi trường lớp học bình thường với các bài tập có dạng quen thuộc, nhưng khi đòi hỏi phải vận dụng kiến thức vào thực tế, có sự thay đổi, uốn chuyển cho phù hợp với thực tế thì các em còn bỡ ngỡ chưa thể vận dụng được ngay. Ngoài ra, khi cần phải phối hợp nhiều kiến thức khác nhau, các em sẽ bối rối.



Nhận xét cụ thể (căn cứ kết quả đánh giá từng câu)

Căn cứ vào kết quả từng câu hỏi, có thể đưa ra một số nhận xét cụ thể:

- Câu số 1: Kết hợp kiến thức một phần của một số, số giờ trong một ngày, bảng nhân 8 và vận dụng vào thực tiễn theo hướng “tuần tự cho đến khi xong việc” để tính được số thời gian nghỉ. Kết quả ghi nhận cho thấy nhiều học sinh chưa vận dụng tốt nên giá trị “ngày thứ năm” đã được dùng để làm phép tính, thay vì trong thực tế chỉ có 4 lần nghỉ, dẫn đến tỉ lệ chọn kết quả là 40 giờ thay cho 32 giờ khá cao. Tỉ lệ trung bình trên 52,9% học sinh trả lời được câu này.

- Câu số 2: Kết hợp kiến thức về một phần của một số, bảng chia 6, các mối quan hệ giữa số lớn và số bé và vận dụng vào thực tiễn để tính được số ngày. Nếu như yêu cầu ghi rõ là còn lại 4 hộp sữa thì học sinh sẽ giải quyết bài toán được dễ dàng. Tuy nhiên, khi yêu cầu là $\frac{1}{6}$ thì học sinh gặp lúng túng do chưa thể giải quyết được thực tiễn $\frac{1}{6}$ của thùng sữa. Tỷ lệ trả lời đúng câu này khá thấp, chỉ có 24,3% học sinh tham gia khảo sát chọn được đáp án đúng.

- Câu số 3: Đây là một câu hỏi rất đơn giản, chỉ liên quan đến bảng nhân 2, được đưa tích hợp vào thực tế đã diễn ra trong giai đoạn phòng chống dịch Covid-19. Tuy nhiên, trên thực tế lại là một trong ba câu hỏi mà học sinh trả lời sai khá nhiều, chỉ có 35.8% học sinh trả lời đúng. Nguyên nhân là học sinh không hình dung được thực tế ở điểm đầu và điểm cuối hàng, mặc dù đã có hình minh họa khá rõ. Từ vị trí đầu hàng đến vị trí thứ tư chỉ có 3 khoảng cách, học sinh đã lấy “vị trí thứ tư” làm giá trị thực hiện phép tính, dẫn đến kết quả không chính xác.

- Câu số 4: Đây là một câu hỏi thuần về vận dụng kiến thức xem đồng hồ chính xác đến phút vào trong thực tế. Kỹ năng vận dụng vào thực tế ở đây khá quen thuộc với học sinh nên tỉ lệ học sinh trả lời đúng câu hỏi này là cao nhất trong 10 câu hỏi (Đạt 75.8%). Nhất là khi hình minh hoạ khá rõ ràng, học sinh xem hình minh hoạ là đã có thể trả lời được ngay kết quả đúng.

- Câu số 5: Là câu hỏi liên quan đến kiến thức tính chu vi hình chữ nhật, câu hỏi này đòi hỏi kỹ năng quan sát và nhận định được các yếu tố về chiều rộng, chiều cao, các yếu tố thay đổi và cố định sau khi cắt một hình rồi ráp lại. Đây là một trong 3 câu hỏi mà tỉ lệ học sinh trả lời đúng thấp (chỉ đạt 34.3%). Khả năng học sinh trả lời sai nhiều do các em xác định chưa chính xác các yếu tố thay đổi và cố định, dẫn đến việc các em chọn kết quả là “bằng nhau” – tức ngộ nhận là chu vi không thay đổi.

- Câu số 6: Liên quan đến kiến thức về các bảng nhân và bảng chia vận dụng vào thực tế theo hướng “có nhiều giải pháp khác nhau để giải quyết một vấn đề”. Để trả lời được câu hỏi này, học sinh vận dụng kết hợp nhiều bảng chia khác nhau để đếm kết quả. Kết quả 66.7% học sinh trả lời đúng câu hỏi này, cho thấy học sinh đã nắm bắt tương đối tốt các bảng nhân – chia.

- Câu số 7: Đây là câu hỏi đơn giản về ngày tháng, tuy nhiên nếu học sinh chủ quan không lưu ý đến việc vận dụng dữ liệu thực tiễn thì sẽ trả lời sai đáp án, thực tiễn ở đây chính là số ngày trong tháng 3. Số lượng học sinh trả lời đúng ở câu này đạt 62%, một tỉ lệ cho thấy vẫn có một số lượng học sinh chưa chú ý đến yếu tố thực tiễn (tổng số ngày trong tháng 3 vượt quá số ngày hiện tại cộng thêm hai tuần).

- Câu số 8: Câu hỏi này chỉ đơn giản là kiểm tra khả năng vận dụng kiến thức về phép nhân và phép chia trong phạm vi 1000, đồng thời giúp xác định sự nhanh nhạy của học sinh trong các tình huống tương tự quen thuộc (tiền đề cho tính chất giao hoán của phép nhân mà học sinh sẽ được học ở lớp 4). Tỉ lệ học sinh trả lời đúng đạt 59.7% cho thấy học sinh khá nhanh nhạy.

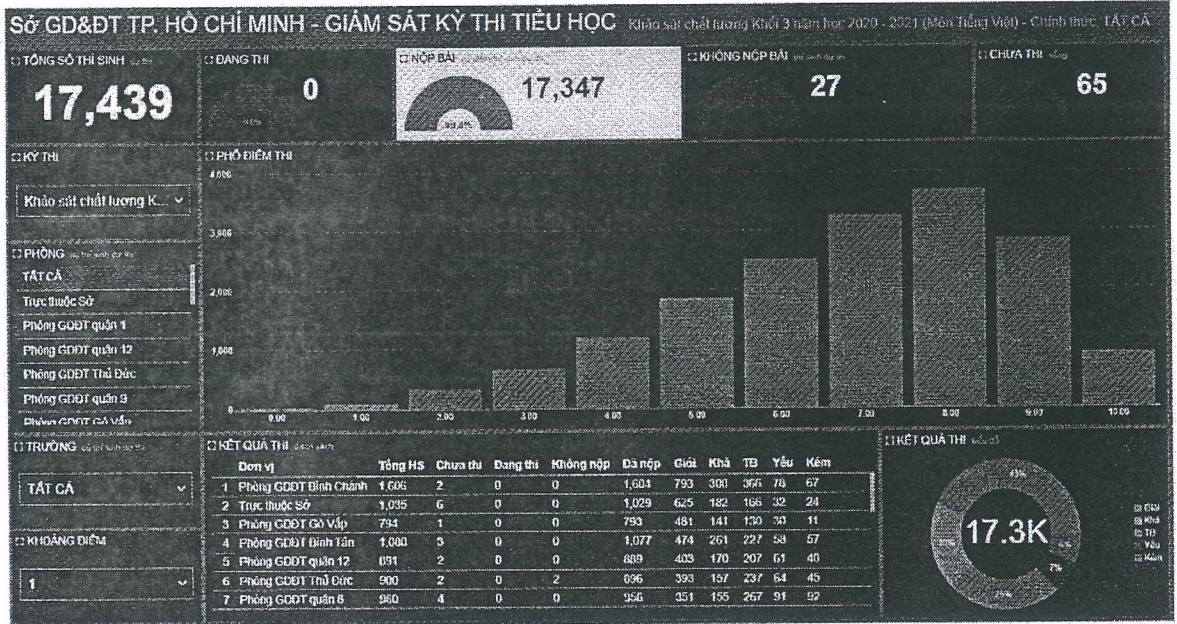
- Câu số 9: Là một câu dạng suy luận logic, đánh giá khả năng tư duy của học sinh, đây hoàn toàn không phải là một câu hỏi khó, không đòi hỏi học sinh phải tư duy sâu. Tuy nhiên dạng toán tư duy, toán thực tế này giáo viên chưa chú trọng rèn luyện cho học sinh. Học sinh chưa được tiếp cận dạng bài tập này, nên tỉ lệ trả lời đúng chỉ đạt 45.5%.

- Câu số 10: Đây chỉ là một bài toán bình thường học sinh vẫn quen làm tại lớp, chỉ có một điểm nhỏ mà các em phải giải quyết: Đó là tính thực tế của bài toán: sức chở của xe và số học sinh không phải là cùng một số tròn để học sinh có thể áp dụng tính nhân và tính chia. Tuy nhiên với phép chia có dư, các em dễ dàng tìm ra đáp số. Tỉ lệ trả lời đúng câu hỏi này là 61.9% cho thấy vẫn còn có học sinh chưa vận dụng được phép chia có dư trong trường hợp này.

2.2. Môn Tiếng Việt

Nhận xét chung (căn cứ Phổ điểm)

Đề khảo sát môn Tiếng Việt được thiết kế với 10 câu hỏi trắc nghiệm gồm các mức độ: nhận biết - 20%, thông hiểu - 50%, vận dụng 30%, hỏi về kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Việt học sinh được học qua 20 tuần học đầu tiên trong chương trình lớp 3. Về nội dung, các câu hỏi rải đều các chủ điểm, các mạch kiến thức (chính tả, từ, câu, biện pháp tu từ), kỹ năng (chủ yếu là kỹ năng đọc hiểu - do hình thức đánh giá quy định). (Đính kèm đề khảo sát tại Phụ lục 2)



Căn cứ vào kết quả khảo sát, bước đầu có thể khẳng định năng lực tiếng Việt của học sinh tham gia khảo sát đạt mức độ khá. Đặc biệt, hầu hết các câu hỏi vận dụng đều có kết quả trên trung bình. Điều này thể hiện học sinh có bước đầu có năng lực vận dụng kiến thức đã học vào các tình huống giao tiếp cụ thể, góp phần thực hiện mục tiêu sử dụng tiếng Việt để học tập và giao tiếp.

Nhận xét cụ thể (căn cứ kết quả đánh giá từng câu)

Căn cứ vào kết quả từng câu hỏi, có thể đưa ra một số nhận xét cụ thể:

- Câu 1: Câu hỏi ở mức độ nhận biết (ghi nhớ). Tuy nhiên, kết quả học sinh làm đúng đạt từ 63.4% đến 92.2% (trung bình 81.73%). Theo đánh giá, nguyên nhân chính là do chủ điểm được đề cập tới trong câu hỏi đã học cách xa thời điểm khảo sát, nhiều học sinh không nhớ nội dung bài nên không chọn được chủ điểm phù hợp với bài đọc. Tuy nhiên, trong mối quan hệ ngữ nghĩa và khả năng kết hợp, học sinh vẫn có nhiều cơ hội chọn đúng đáp án.

- Câu 2: Câu hỏi ở mức độ nhận biết (ghi nhớ tái hiện). Kết quả học sinh làm đúng đạt từ 67.6% đến 85.9% (trung bình 76.47%). Theo đánh giá, nguyên nhân chính học sinh không chọn được đáp án đúng là do không ghi nhớ nội dung bài đọc.

- Câu 3: Câu hỏi ở mức độ hiểu. Kết quả học sinh làm đúng đạt từ 60.7% đến 88.2% (trung bình 77.22%). Theo đánh giá, nguyên nhân chính học sinh không chọn được đáp án đúng là do học sinh còn mắc lỗi phát âm (hỏi/ngã là cặp dấu thanh học sinh miền Nam dễ lẫn).

- Câu 4: Câu hỏi ở mức độ thông hiểu - vận dụng (tích hợp liên môn với môn Tự nhiên và Xã hội). Kết quả học sinh làm đúng đạt từ 67.5% đến 88.5% (trung bình 79.04%). Theo đánh giá, nguyên nhân chính học sinh không chọn được đáp án đúng là do vốn sống và kinh nghiệm xã hội còn nghèo nàn.

- Câu 5: Câu hỏi ở mức độ thông hiểu - vận dụng. Kết quả học sinh làm đúng đạt 55.1% đến 77.5% (trung bình 68.28%). Theo đánh giá, nguyên nhân chính học sinh không chọn được đáp án đúng là do vốn sống và vốn ngôn ngữ còn nghèo nàn.

- Câu 6: Câu hỏi ở mức độ thông hiểu - vận dụng. Kết quả học sinh làm đúng đạt từ 71.4% đến 90.7% (trung bình 83.08%). Theo đánh giá, nguyên nhân chính học sinh không chọn được đáp án đúng là do không đọc kĩ nội dung đoạn ngữ liệu.

- Câu 7: Câu hỏi ở mức độ vận dụng. Kết quả học sinh làm đúng đạt từ 36.2% đến 60.1% (trung bình 49.23%). Theo đánh giá, nguyên nhân chính học sinh không chọn được đáp án đúng là do vốn sống và vốn ngôn ngữ còn nghèo nàn cũng như không chú ý đến những chi tiết nhỏ đảm bảo sự phù hợp giữa hai sự vật được so sánh với nhau.

- Câu 8: Câu hỏi ở mức độ nhận biết – thông hiểu. Kết quả học sinh làm đúng đạt từ 63.3% đến 86.2% (trung bình 73.54%). Theo đánh giá, nguyên nhân chính học sinh không chọn được đáp án đúng là do không đọc kĩ đoạn ngữ liệu, chưa nắm chắc dấu hiệu của các biện pháp tu từ.

- Câu 9: Câu hỏi ở mức độ thông hiểu - vận dụng. Kết quả học sinh làm đúng đạt từ 53.5% đến 82.6% (trung bình 67.74%). Theo đánh giá, nguyên nhân chính học sinh không chọn được đáp án đúng là HS chưa nắm chắc cấu tạo câu.

- Câu 10: Câu hỏi ở mức độ thông hiểu - vận dụng. Kết quả học sinh làm đúng đạt từ 28.3% đến 40.4% (trung bình 34.24%). Theo đánh giá, nguyên nhân chính học sinh chưa đọc kĩ ngữ liệu để nhận ra mối quan hệ liên kết giữa các câu trong đoạn. Dạng bài tập này cũng có thể học sinh chưa được tiếp cận.

Bên cạnh những nguyên nhân đã chỉ ra về kiến thức và kĩ năng, còn phải kể đến trường hợp học sinh không đọc kĩ đề bài, học sinh chọn đáp án ngẫu nhiên,...

3/- Nhận xét và đề xuất

3.2. Đối với môn Toán

Mục tiêu khảo sát lần này đối với môn Toán lớp 3 nhằm tìm hiểu chất lượng dạy học môn Toán, đặc biệt là việc liên hệ kiến thức vào giải quyết các vấn đề thực tế, từ đó đánh giá được tình hình dạy học môn Toán và cách ra đề kiểm tra môn Toán ở các mức độ vận dụng 1 và vận dụng 2. Kết quả khảo sát cho thấy tình hình dạy học môn Toán hiện nay đối với việc liên hệ, vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thực tế chỉ ở mức độ trung bình. Giáo viên khi tổ chức dạy học cần phải đưa vào kế hoạch bài dạy nội dung vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, giúp học sinh thấy được mối liên hệ giữa kiến thức và thực tiễn.

Trong quá trình dạy học, khi thực hiện bước củng cố giúp học sinh nắm vững được hệ thống kiến thức theo mục tiêu dạy học, giáo viên có thể lồng ghép các bài toán thực tế liên quan đến kiến thức toán học của bài, giúp học sinh nhớ, hiểu và nhận ra được mối quan hệ gần gũi của Toán học với cuộc sống. Ngoài ra, khi ra đề kiểm tra định kỳ, cần chú ý xây dựng các câu hỏi ở mức độ vận dụng 1 và vận dụng 2 tốt hơn.

3.2. Đối với việc dạy học Tiếng Việt

Từ kết quả khảo sát, có thể nhận thấy giáo viên cần chủ động hơn nữa trong quá trình dạy học, tiếp tục chuyển mạnh từ dạy học theo định hướng tiếp cận nội dung sang định hướng tiếp cận năng lực. Trên cơ sở xác định được mục tiêu môn học, bài học; nắm bắt đối tượng học sinh, giáo viên cần tổ chức lại nội dung dạy học, điều chỉnh ngữ liệu dạy học; đặc biệt điều chỉnh hệ thống câu hỏi, bài tập đủ 4 mức độ (nhận biết, hiểu, vận dụng, vận dụng phản hồi), gắn kết nội dung dạy học với thực tiễn cuộc sống; giúp học sinh sử dụng thành thạo tiếng Việt trong học tập và giao tiếp.

3.3. Đối với công tác tổ chức khảo sát.

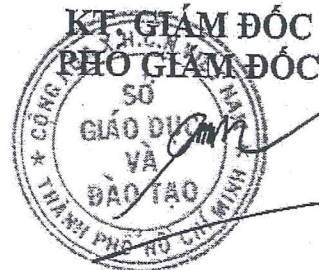
Mặc dù có tổng số học sinh tham gia khảo sát trên 17000 em cùng lúc, tuy nhiên hệ thống hoàn toàn ổn định, không xảy ra các vấn đề về kỹ thuật hay đường truyền. Hệ thống khảo sát năng lực học sinh lớp 3 do công ty Cổ phần phần mềm Quảng Ích xây dựng trên nền tảng cơ sở dữ liệu chung của Ngành.

Công tác khảo sát năng lực học sinh lớp 3 cũng nhận được sự quan tâm đầu tư của các Quận Huyện, toàn bộ các địa điểm được tổ chức nghiêm túc, theo đúng quy định. Tuy nhiên, một vài đơn vị chưa thực hiện đúng thời gian khảo sát.

Năm học 2021 – 2022 sẽ là năm học cuối cùng mà học sinh lớp 3 học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2006, đến năm 2022 – 2023, học sinh lớp 3 sẽ bắt đầu học chương trình giáo dục phổ thông 2018. Trong đó, môn tin học là môn học bắt buộc, tất cả các trường tiểu học đều được trang bị phòng máy tính. Như vậy, kể từ năm 2022 – 2023 tất cả các trường tiểu học đều sẽ có đủ điều kiện thực hiện công tác khảo sát năng lực học sinh lớp 3 theo kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo./. *Thanh*

Nơi nhận:

- Giám đốc (Đề báo cáo);
- Các Phòng GD-ĐT (Đề biết);
- Lưu: VP, TTH *2*



Nguyễn Văn Hiếu

ĐỀ KHẢO SÁT LỚP 3 NĂM HỌC 2020 – 2021

Ngày khảo sát: 18/3/2021

Thời gian khảo sát: 40 phút

Học sinh chọn đáp án đúng nhất:

I/- MÔN TIẾNG VIỆT

Câu 1: Chọn từ ngữ phù hợp điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh tên chủ điểm em đã học.

Thành thị và

a. nông thôn

b. quê hương

c. cộng đồng

Câu 2: Người mẹ trong truyện cùng tên đã gặp những nhân vật nào trên đường đi tìm con?

a. băng tuyết, hồ nước, Thần Chết

b. bụi gai, hồ nước, Thần Chết

c. bụi gai, hồ nước, hai hòn ngọc

Câu 3: Chọn dấu thanh phù hợp điền vào những tiếng in đậm để hoàn chỉnh bài đồng dao sau:

Dung dăng dung **de**

Cho dê đi học

Dắt **tre** đi chơi

Cho cóc ở nhà

Đến **ngo** nhà trời

Cho gà bới bếp

Lạy cậu lạy mợ

Ừ à ù ập

Cho cháu về quê

Ngồi xập xuống đây.

Đồng dao

a. dấu hỏi, dấu hỏi, dấu hỏi, dấu ngã

b. dấu hỏi, dấu hỏi, dấu ngã, dấu hỏi

c. dấu ngã, dấu ngã, dấu hỏi, dấu ngã

Câu 4: Hoàn chỉnh các câu văn sau bằng cách chọn các từ ngữ phù hợp để điền vào chỗ trống:

☉ ... bơi rất nhanh.

☉ ... tha con giống như tha con mồi.

☉ ... cõng con trên lưng, bơi đi đây đi đó.

a. thiên nga, cá chuồn, sư tử

b. cá chuồn, thiên nga, sư tử

c. cá chuồn, sư tử, thiên nga

Câu 5: Lời giải câu đố sau là những từ ngữ nào?

Tên một đồ vật

Giúp em viết bài,
Tên một loài cây
Cho cơm thơm dẻo.

- a. lọ mực, hạt gạo b. cây bút, cây gạo c. cây bút, cây lúa

Câu 6: Chọn các dấu câu thích hợp điền vào ô trống để hoàn chỉnh đoạn văn sau:

Thuyền lớn ☐ thuyền nhỏ đậu đầy mặt sông. Tiếng cười ☐ tiếng nói ☐ tiếng gọi nhau í ới ☐

- a. dấu phẩy, dấu phẩy, dấu chấm, dấu phẩy
b. dấu phẩy, dấu phẩy, dấu phẩy, dấu chấm
c. dấu phẩy, dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm

Câu 7: Hoàn chỉnh đoạn văn sau bằng cách chọn các hình ảnh so sánh phù hợp để điền vào chỗ trống:

Từ xa nhìn lại, cây gạo sừng sững như... Hàng ngàn bông hoa là... Hàng ngàn búp nõn là ... Tất cả đều lóng lánh, lung linh trong nắng.

Theo Vũ Tú Nam

- a. một tháp đèn khổng lồ, hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi, hàng ngàn ánh nến trong xanh
b. một tháp đèn khổng lồ, hàng ngàn ánh nến trong xanh, hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi
c. hàng ngàn ánh nến trong xanh, một tháp đèn khổng lồ, hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi

Câu 8: Theo em, câu văn nào sau đây không có sự vật được nhân hóa?

- a. Bác ong thợ già dùng hết sức sươi ấm cho những giọt sáp.
b. Chú ong thợ trẻ giữ trật tự trong suốt quá trình làm việc.
c. Tổ ong là một “toà nhà đặc biệt” có hàng ngàn căn phòng giống hệt nhau.

Câu 9: Theo em, cần bỏ bớt từ ngữ nào để dòng sau đây thành câu?

Trên mặt nước lấp loáng như gương

- a. như gương b. trên c. lấp loáng

Câu 10: Em hãy điền số thứ tự phù hợp vào ☐ để sắp xếp các câu sau thành đoạn văn:

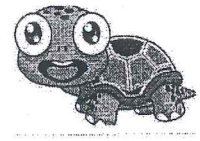
- ☐ Bất chợt, chim nhỏ cất tiếng líu lo.
☐ Chim nhỏ bay đến một ngôi trường có mái ngói đỏ và những hàng cây rợp bóng.
☐ Tiếng ca náo nức của chú bay qua khung cửa sổ, hoà trong tiếng cười rộn rã, trong veo.
☐ Chú nghe thấy tiếng các bạn nhỏ ê a đọc bài.

- a. 3 – 1 – 4 – 2
b. 1 – 2 – 4 – 3
c. 3 – 1 – 2 – 4

II/- MÔN TOÁN

Câu 1:

Một buổi sáng, rùa con bò từ nhà mình sang thăm nhà bạn. Rùa quyết định mỗi ngày chỉ bò trong hai phần ba thời gian của ngày, còn lại thì nghỉ ngơi. Biết rằng đến chiều tối ngày thứ năm thì rùa bò đến nơi. Hỏi rùa đã nghỉ ngơi bao nhiêu giờ trong suốt quãng đường?



- a. 40 giờ b. 32 giờ c. 80 giờ

Câu 2:

Bố mua cho em một thùng sữa có 24 hộp. Mỗi ngày, em uống 4 hộp sữa. Hỏi sau bao nhiêu ngày thì thùng sữa còn lại một phần sáu?

- a. 5 ngày b. 6 ngày c. 4 ngày

Câu 3:

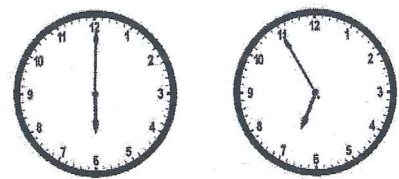
Mẹ xếp hàng để trả tiền trong siêu thị. Thực hiện quy định dẫn cách phòng dịch Covid-19, mỗi người trong hàng đứng cách nhau 2 mét, người đầu tiên của hàng đang đứng tính tiền. Mẹ đứng thứ tư trong hàng, hỏi mẹ cách quầy tính tiền bao nhiêu mét?



- a. 8 mét b. 4 mét c. 6 mét

Câu 4:

Mỗi buổi sáng, em thức dậy khi đồng hồ chỉ 6 giờ. Em rửa mặt, vệ sinh, sau đó ăn sáng rồi đến trường trong khoảng thời gian chưa hết 1 giờ đồng hồ. Khi đến trường, kim dài của đồng hồ chỉ đúng vào vạch số 11. Hỏi thời gian em đã rửa mặt, vệ sinh, ăn sáng và đi học hết bao nhiêu phút?

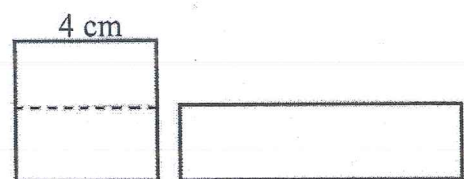


- a. 55 phút b. 5 phút c. 60 phút

Câu 5:

Người ta cắt đôi hình vuông có cạnh 4 cm, sau đó ráp lại thành một hình chữ nhật. Hỏi chu vi hình chữ nhật như thế nào so với chu vi hình vuông?

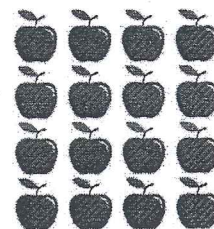
- a. Bằng nhau b. Lớn hơn
c. Nhỏ hơn



Câu 6:

Có mấy cách chia 16 quả táo thành nhiều phần nhỏ hơn, sao cho mỗi phần đều có số quả táo bằng nhau?

- a. 16 cách b. 8 cách c. 4 cách



Câu 7:

Thứ năm tuần này là ngày 18 tháng 3. Hỏi sau hai tuần nữa, thứ năm là ngày nào?

- a. 31 tháng 3 b. 1 tháng 4 c. 30 tháng 3

Câu 8:

Cô giáo có 4 hộp kẹo, mỗi hộp kẹo có 30 viên, cô muốn chia kẹo cho cả lớp có 30 bạn. Không cần tính, hỏi mỗi bạn có bao nhiêu viên kẹo?

- a. 4 viên b. 3 viên c. 30 viên

Câu 9:

Trong một cái túi có 3 viên bi xanh, 2 viên bi đỏ, 1 viên bi vàng. Không cần nhìn, em lấy ra 4 viên bi. Trường hợp nào trong các trường hợp sau đây sẽ xảy ra?

- a. Chắc chắn sẽ có một viên bi đỏ trong 4 viên đó.
b. Chắc chắn sẽ có một viên bi vàng trong 4 viên đó.
c. Chắc chắn sẽ có ít nhất một viên bi xanh trong 4 viên đó.

Câu 10:

Trường em có 4 lớp 3, mỗi lớp 35 học sinh. Trường tổ chức buổi sinh hoạt ngoại khoá cho tất cả các học sinh tham gia. Để chở được tất cả học sinh, hỏi trường cần bao nhiêu chiếc xe ô tô, biết mỗi chiếc chở được 40 học sinh.

- a. 4 chiếc ô tô b. 3 chiếc ô tô c. 2 chiếc ô tô